

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 17/5/2021.  
V/v: “Kiện xin ly hôn, nuôi con  
chung”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ- TỈNH HÀ NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Huệ và ông Trịnh Văn Chi.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:***  
Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1996.**

Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Nơi cư trú: Số nhà 38, ngách 16, ngõ 22, phố T, tổ 2, phường P, quận L, thành phố Hà Nội.

**2. Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh năm 1996.**

Nơi ĐKKHKT: Tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị Q, vắng mặt anh D có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn D lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2016 tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tìm hiểu nhau được khoảng 04 năm và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hoà thuận được khoảng 02 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do quá trình chung sống vợ

chồng anh chị bất đồng với nhau về cách sống và quan điểm sống nên hai bên thường xuyên xảy ra cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã được gia đình và tổ dân phố hòa giải nhưng không có kết quả mà ngày càng trầm trọng hơn; vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau và cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Đến nay, cả chị Q và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Do đó, chị Q đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh D và anh D cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chị Q.

Về con chung: Chị Q và anh D đều thống nhất vợ chồng có 01 con chung là Phạm Cao C, sinh ngày 04/5/2017 (con trai). Hiện nay, cháu C đang ở với chị Q và do chị Q nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị Q có nguyện vọng xin được nuôi cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh D xác định anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam, không có điều kiện nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung nên anh cũng nhất trí giao con chung Phạm Cao C cho chị Q nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Q.

Về con nuôi, con riêng: Chị Q và anh D thống nhất không có.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh chị thống nhất không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

\* Chị Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Phạm Văn D. Về con chung: Chị xin nuôi cháu Phạm Cao C và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Các vấn đề khác: Không có nên chị không đề nghị giải quyết. Về án phí ly hôn: Chị Q tự nguyện nộp cả phần án phí của chị và của anh D.

\* Anh Phạm Văn D vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày rõ quan điểm của mình.

\* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của HĐXX và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay HĐXX và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Q:

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn D.
2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Q nuôi dưỡng con chung Phạm Cao C và anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Q.
3. Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q xin ly hôn anh Phạm Văn D, đây là quan hệ pháp luật về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn anh Phạm Văn D có nơi cư trú tại tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Anh Phạm Văn D vắng mặt tại phiên tòa vì lý do anh đang bị tạm giam tại trại tạm giam, anh D đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn D là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2016 tại UBND phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

[4] Về hôn nhân: Tại các bản tự khai, chị Q và anh D đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã rất trầm trọng, tình cảm không còn dành cho nhau, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2020, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, cả hai đều nhận thấy không thể duy trì mối quan hệ hôn nhân với nhau và mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Q và anh D đều đề nghị giải quyết cho anh chị được ly hôn. Do vậy, HĐXX cần chấp nhận nguyện vọng của anh chị, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh D là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Cao C, sinh ngày 04/5/2017 (con trai). Hiện nay, cháu đang ở với chị Q, do chị Q nuôi dưỡng. Chị Q và anh D cùng thống nhất giao chị Q trực tiếp nuôi con chung và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật. Do đó, HĐXX chấp nhận việc giao con chung Phạm Cao C cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Q và anh D thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn D phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nộp cả cho anh D.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn D.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Q được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phạm Cao C, sinh ngày 04/5/2017 (con trai), cho đến khi cháu Phạm Cao C trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị Q.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Q và anh Phạm Văn D mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q, nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm của cả chị và anh D là

300.000đ, được đối trừ với 300.000đ mà chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0004751 ngày 19/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị Q đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Q có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND P.Q, TP. Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Ngân**